

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính mới/bãi bỏ trong lĩnh vực
Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/
Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN/UBND cấp huyện
tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 341/TTr-STNMT ngày 18/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới và 8 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN và UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp xây dựng quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban, gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 05/5/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; BAN QUẢN LÝ KKT NGHỈ SƠN VÀ CÁC KCN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý																								
Lĩnh vực Môi trường																													
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733.00 0.00.00.H56)	50 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định và thông báo kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Phí thẩm định: Theo quy định tại Mục 6 Phần I Điều 1 Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể: <i>Đơn vị: Triệu đồng/báo cáo</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th colspan="5">Mức thu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td>Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)</td><td>≤ 50</td><td>>50 và ≤100</td><td>>100 và ≤200</td><td>>200 và ≤500</td></tr> <tr> <td>Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</td><td>Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường</td><td>6,</td><td>2</td><td>14</td><td>17</td></tr> <tr> <td></td><td>Nhóm 2: DA công trình</td><td>6,9</td><td>8,5</td><td>15</td><td>25</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Mức thu						Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤ 50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6,	2	14	17		Nhóm 2: DA công trình	6,9	8,5	15	25	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Quyết định số 4764/
Nội dung	Mức thu																												
	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤ 50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500																								
Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6,	2	14	17																								
	Nhóm 2: DA công trình	6,9	8,5	15	25																								

		định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Địa chỉ trực tuyến: http://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn (mức 4)	<table><tr><td>dân dụng</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật</td><td>7,5</td><td>,5</td><td>17</td><td>18</td><td>25</td><td></td></tr><tr><td>Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</td><td>5</td><td>9,5</td><td>17</td><td>18</td><td>24</td><td></td></tr><tr><td>Nhóm 5: DA giao thông</td><td>8,1</td><td>10</td><td>18</td><td>20</td><td>25</td><td></td></tr><tr><td>Nhóm 6: DA công nghiệp</td><td>8,4</td><td>10,5</td><td>19</td><td>20</td><td>26</td><td></td></tr><tr><td>Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6</td><td>5</td><td>6</td><td>10,8</td><td>12</td><td>15,6</td><td></td></tr></table>	dân dụng							Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật	7,5	,5	17	18	25		Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5	9,5	17	18	24		Nhóm 5: DA giao thông	8,1	10	18	20	25		Nhóm 6: DA công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26		Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	5	6	10,8	12	15,6		2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
dân dụng																																															
Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật	7,5	,5	17	18	25																																										
Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5	9,5	17	18	24																																										
Nhóm 5: DA giao thông	8,1	10	18	20	25																																										
Nhóm 6: DA công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26																																										
Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	5	6	10,8	12	15,6																																										
2	Thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường	45 ngày làm việc, cụ thể: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa 30 (ba mươi) ngày		Trường hợp thẩm định lại, mức thu: 50% mức thu đã quy định trên. - Phương thức nộp phí: Người nộp phí thẩm định đánh giá tác động môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.	Phí thẩm định: Theo quy định tại Mục 15 Phần I Điều 1 Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số																																									

trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (1.010735.00 0.00.00.H56)	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		*) Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu: <i>Đơn vị tính: Triệu đồng/phương án</i> <table><tr><td>Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)</td><td>≤50</td><td>> 50 và ≤100</td><td>> 100 và ≤200</td><td>> 200 và ≤500</td></tr><tr><td>Dự án khai thác khoáng sản</td><td>5,0</td><td>6,0</td><td>10,8</td><td>12,0</td></tr></table> *) Trường hợp thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu. - Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤50	> 50 và ≤100	> 100 và ≤200	> 200 và ≤500	Dự án khai thác khoáng sản	5,0	6,0	10,8	12,0	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài
Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤50	> 50 và ≤100	> 100 và ≤200	> 200 và ≤500										
Dự án khai thác khoáng sản	5,0	6,0	10,8	12,0										

					nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
--	--	--	--	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý														
Lĩnh vực môi trường																			
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733.00 0.00.00.H56)	50 ngày, cụ thể: - Thời hạn thẩm định và thông báo kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa tại Km 372 Quốc	Phí thẩm định: Theo quy định tại Mục 6 Phần I Điều 1 Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể: Đơn vị: Triệu đồng/báo cáo <table><tr><th>Nội dung</th><th colspan="6">Mức thu</th></tr><tr><td>Thẩm định báo cáo đánh</td><td>Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)</td><td>≤ 50</td><td>>50 và ≤100</td><td>>100 và ≤200</td><td>>200 và ≤500</td><td>500</td></tr></table>	Nội dung	Mức thu						Thẩm định báo cáo đánh	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤ 50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	500	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi
Nội dung	Mức thu																		
Thẩm định báo cáo đánh	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤ 50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	500													

	tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	lộ 1A, xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. (đối với dự án đầu tư thực hiện tại Khu kinh tế Nghi Sơn; khu công nghiệp Lễ Môn; khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga; khu công nghiệp Hoàng Long; khu công nghiệp Bim Sơn; khu công nghiệp Lam Sơn - Sao vàng) - Địa chỉ trực tuyến: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức 4)	<table><tr><td rowspan="7">giá tác động môi trường</td><td>Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường</td><td>5</td><td>6,5</td><td>12</td><td>14</td><td>17</td></tr><tr><td>Nhóm 2: DA công trình dân dụng</td><td>6,9</td><td>8,5</td><td>15</td><td>16</td><td>25</td></tr><tr><td>Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật</td><td>7,5</td><td>9,5</td><td>17</td><td>18</td><td>25</td></tr><tr><td>Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</td><td>5</td><td>9,5</td><td>17</td><td>18</td><td>24</td></tr><tr><td>Nhóm 5: DA giao thông</td><td>8,1</td><td>10</td><td>18</td><td>20</td><td>25</td></tr><tr><td>Nhóm 6: DA công nghiệp</td><td>8,4</td><td>10,5</td><td>19</td><td>20</td><td>26</td></tr><tr><td>Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6</td><td>5</td><td>6</td><td>10,8</td><td>12</td><td>15,6</td></tr></table> Trường hợp thẩm định lại, mức thu: 50% mức thu đã quy định trên. - Phương thức nộp phí: Người nộp phí thẩm	giá tác động môi trường	Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5	12	14	17	Nhóm 2: DA công trình dân dụng	6,9	8,5	15	16	25	Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17	18	25	Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5	9,5	17	18	24	Nhóm 5: DA giao thông	8,1	10	18	20	25	Nhóm 6: DA công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26	Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	5	6	10,8	12	15,6	trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Quyết định số 4764/ 2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
giá tác động môi trường	Nhóm 1: DA xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5		12	14	17																																								
	Nhóm 2: DA công trình dân dụng	6,9	8,5		15	16	25																																								
	Nhóm 3: DA hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5		17	18	25																																								
	Nhóm 4: DA nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5	9,5		17	18	24																																								
	Nhóm 5: DA giao thông	8,1	10		18	20	25																																								
	Nhóm 6: DA công nghiệp	8,4	10,5		19	20	26																																								
	Nhóm 7: DA khác không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	5	6	10,8	12	15,6																																									

				định đánh giá tác động môi trường thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.	- Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về việc Ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa được tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường, cấp đổi, điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.
--	--	--	--	---	---

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Bãi bỏ 8 TTHC tại Quyết định số 4397/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên & Môi trường/ Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp/ UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

STT	Số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường /Ban quản lý KKT Nghi Sơn và Các KCN			
1	<u>1.004141.000.00.00.H56</u>	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
2	<u>1.004356.000.00.00.H56</u>	Kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
3	1.004148.000.00.00.H56	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	
4	1.005741.000.00.00.H56	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
5	<u>1.004249.000.00.00.H56</u>	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)	

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường			
6	1.004258.000.00.00.H56	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
7	<u>1.004240.000.00.00.H56</u>	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) cấp tỉnh	
C. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			
8	<u>1.004138.000.00.00.H56</u>	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường.	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;